

Số: 172/2024/QĐST - HNGĐ

Long Hồ, ngày 24 tháng 6 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ số: 300/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2024 giữa:

- Nguyên đơn: Anh **Võ Văn T**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: **ấp L, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.**

- Bị đơn: Chị **Trần Thị Thu N**, sinh năm 1982.

Địa chỉ: **ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các **Điều 55** của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 6 năm 2024.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 6 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh **Võ Văn T** và chị **Trần Thị Thu N**.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Anh **Võ Văn T** và chị **Trần Thị Thu N** không có con chung.

- Về tài sản chung và khoản nợ phải thu, phải trả: Anh **Võ Văn T** và chị **Trần Thị Thu N** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh **Võ Văn T** tự nguyện nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) anh **T** đã nộp theo biên lai thu tiền số **0001170** ngày **27/5/2024** tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ. Hoàn trả cho anh **Võ Văn T** số tiền còn lại là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Văn Bé Tư**